TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2024 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994.
Nơi thường trú: Số nhà 31, thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Lê N, sinh năm 1994.
Nơi thường trú: TDP 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi và anh Phan Lê N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2022, đến năm 2023 thì chúng tôi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên kiếm cớ gây sự, lăng mạ, xúc phạm, chửi bới tôi thậm tệ, thậm chí đánh đập tôi nhiều lần, không chăm lo cho gia đình, con cái, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Việc mâu thuẫn kéo dài thường xuyên, tôi đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, đến tháng 5/2024 vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình xảy ra ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Lê N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022. Hiện cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Huỳnh Hải Đ đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Lê N trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như cô Nguyễn Thị Thanh T trình bày, nay cô T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên tôi đồng ý giao cháu Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022 cho cô Nguyễn Thị Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên tôi không thể tham gia tố tụng tại Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về con chung", nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T; Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Lê N; Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Lê N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh Phan Lê N có hộ khẩu thường trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc

theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Lê N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Lê N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/3/2023 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2023). Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Việc mâu thuẫn kéo dài, mặc dù chị T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, đến tháng 5/2024 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình xảy ra ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết vụ án, anh N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh N đồng ý ly hôn với chị T.

HĐXX xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T, cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Lê N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Lê N có một con chung là Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022, hiện cháu đang ở với chị T. Nguyện vọng của chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến tuổi trưởng thành và được anh N đồng ý. Xét nguyện vọng của chị T và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời để đảm bảo tâm lý, điều kiện sinh hoạt và không gây xáo trộn trong cuộc sống của con chung, HĐXX giao con chung là cháu Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu anh Phan Lê N cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Anh Phan Lê N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Phan Lê N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Lê N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 07/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu anh Phan Lê N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phan Lê N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Phan Lê N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0014280 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND TT. P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy